

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HSST

Ngày: 23/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Vượng

2. Ông Phan Tiến Thạch

Thư ký phiên toà: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

*** Lê Đức M**, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1981, tại tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ 55, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Giới tính: Nam

Con ông: Lê Đức K, sinh năm 1942 và con bà Phùng Thị T, sinh năm 1949; Hiện bố, mẹ bị cáo đang trú tại Tổ 55, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/6/2018, tạm giam ngày 11/6/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái - Có mặt tại phiên toà.

*** Những người bị hại:**

1. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn 1, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ 09, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Tiến T1, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Tạm trú: Tổ 24, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài, khoảng 01h sáng ngày 04/6/2018, Lê Đức M đi bộ từ nhà đến Bệnh viện sản nhi (thuộc tổ 24 phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái), với mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi lên phòng số 9 tầng 3 của bệnh viện, quan sát thấy cửa phòng không khóa, trong phòng có chị Đặng Thị N đang ngủ. M đã trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, có gắn ốp lưng bằng nhựa dẻo trị giá 1.650.000đồng của chị N. Sau đó, M đi ra khu vực cạnh con suối ở phía sau bệnh viện, tháo ốp lưng, sim điện thoại ra rồi ném xuống suối, còn chiếc điện thoại do kiểm tra có cài mật khẩu khóa màn hình, M thử mở nhưng không được. Khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, M cầm điện thoại đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động của anh Lê Tiến T1, thuộc tổ 24, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, M nói với T1 có chiếc điện thoại tối qua do say rượu, đổi mật khẩu giờ không nhớ nên muốn bán. Anh T1 xem điện thoại và trả với giá 1.200.000 đồng, M đồng ý bán, số tiền này M đã chi tiêu cá nhân hết.

Tiếp đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 09/6/2018, cũng với phương thức và thủ đoạn nêu trên, Lê Đức M đi bộ từ nhà ở của mình đến Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Yên Bái, khi đi đến cầu thang lên tầng 2 thì phát hiện tại phòng điều trị theo yêu cầu số 7 (sát cạnh cầu thang), cửa phòng không đóng, bên trong có 2 giường, giường phía ngoài để đồ đạc, giường phía trong có chị Nguyễn Thị Kim P cùng con trai đang nằm ngủ. M nhìn thấy trên đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, không có ai trông coi, quản lý. M đã lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi đi ra. Cùng lúc đó M phát hiện thấy 01 túi sách giả da màu xám, M trộm cắp luôn túi sách này rồi bỏ đi.

Khi đi đến khu vực cổng phía sau bệnh viện, M kiểm tra lại thì biết chiếc điện thoại đã trộm cắp được là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, ốp lưng bằng nhựa màu xám, kiểm tra túi xách thì thấy bên trong có số tiền 1.200.000 đồng, 01 thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV, 01 phiếu khách hàng thân thiết của Vingroup, 01 chứng minh nhân dân cùng một số giấy tờ khác. M lấy số tiền 1.200.000 đồng cùng thẻ rút tiền ngân hàng và phiếu khách hàng thân thiết của Vingroup, cùng chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, tay cầm theo chiếc túi xách đi ra khu vực cạnh con suối ở phía sau bệnh viện. M tháo ốp lưng, sim của điện thoại ra, rồi dùng bật lửa đốt chiếc túi sách cùng toàn bộ số giấy tờ còn lại vứt xuống suối.

Khi về nhà M thấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được có khóa màn hình, M đã dò được mật khẩu là 123456, sau đó truy cập vào máy xóa toàn bộ dữ liệu trong máy, thêm dấu vân tay của mình để mở khóa máy bằng vân tay và giữ lại chiếc điện thoại để sử dụng; còn số tiền 1.200.000 đồng M lấy ra 200.000 đồng để mua ma túy sử dụng cho bản thân, 200.000 đồng tiêu sài cá nhân, còn 800.000 đồng cùng 01 thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV, 01 phiếu khách hàng thân thiết của

Vingroup, M để trong ví của mình. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị P là 5.000.000đồng (trong đó chiếc điện thoại di động Iphone 6 trị giá 3.800.000đồng, tiền mặt 1.200.000đồng và một số giấy tờ, đồ vật khác trị giá 0 đồng).

Ngày 10/6/2018, Lê Đức M bị Công an phường Minh Tân, thành phố Yên Bái phát hiện và bắt giữ, thu giữ trên người M những đồ vật, tài sản nêu trên.

Tổng giá trị tài sản Lê Đức M trộm cắp vào các ngày 04/6/2018 và 09/6/2018 là 6.650.000 đồng,

Tại phiên tòa bị cáo Lê Đức M thành khẩn khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Bản cáo trạng số 53/CT - VKSTP ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Lê Đức M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468, Bộ luật dân sự;

- + Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đặng Thị N trị giá chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S do bị cáo chiếm đoạt, số tiền là 1.650.000đồng.

- + Người bị hại Nguyễn Thị Kim P đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động Iphone 6 và số tiền 800.000đồng, chị không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 400.000đồng, nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, trong các ngày 04; 09/6/2018 tại các phòng điều trị theo yêu cầu số 9 tầng 3 và số 7 tầng 2 Bệnh viện sản nhi tỉnh Yên Bái (thuộc tổ 24, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái), Lê Đức M đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của chị Đặng Thị N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 có trị giá là 1.650.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Kim P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 có trị giá 3.800.000 đồng và số tiền 1.200.000 đồng, cùng một số tài sản, đồ vật khác có giá trị 0 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 6.650.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo Lê Đức M là người có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, song lười lao động, không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy. Bị cáo từng hai lần bị Tòa án thành phố Yên Bái kết án về tội Trộm cắp tài sản, vào các năm 2008 (mức án 01 năm tù) và năm 2011 (mức án 01 năm 06 tháng tù) đều đã được xóa án tích. Song bị cáo không lấy đó làm bài học, mà lại tiếp tục phạm tội. Lỗi phạm tội này của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng và rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết bị cáo tự thú về hành vi chiếm đoạt tài sản vào ngày 04/6/2018, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy

định tại các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại chị Đặng Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại OPPO F1, là tài sản hợp pháp của chị, do bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản, số tiền là 1.650.000đồng. Xét thấy yêu cầu của chị N là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Người bị hại Nguyễn Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trong hồ sơ. Chị P đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động Iphone 6 và số tiền 800.000 đồng. Chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nốt số tiền còn lại là 400.000 đồng, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Lê Tiến T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, anh T1 mua chiếc điện thoại OPPO F1 của Lê Đức M, nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên là giao dịch ngay tình. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xử lý về hình sự đối với anh Lê Tiến T1 là phù hợp.

[9] Về vật chứng của vụ án: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo một số vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Mobistar màu vàng hồng, đã qua sử dụng; 01 ví nam giả da màu nâu; 01 chứng minh thư nhân dân. Đây là các tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Mạnh Hoa, bị cáo khai do nhặt được, không xác định được chủ sở hữu, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[11] Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106; các Điều 136; 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Đức M **01** năm **06** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018 (ngày tạm giữ bị cáo).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đức M phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đặng Thị N số tiền là 1.650.000 đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án

4. Về vật chứng của vụ án:

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Mobistar, màu vàng hồng, máy đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ;

+ 01 ví nam giả da màu nâu, kích thước khoảng (10 x 15) cm, đã qua sử dụng;

+ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Đức M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ rút tiền của ngân hàng BIDV, có số thẻ 9704180085661304 mang tên Nguyễn Mạnh Hoa

5. Về án phí: Bị cáo Lê Đức M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Kim P, anh Lê Tiến T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSND TPYB;
- CATPYB;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người bị hại (2);
- Người liên quan (1);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

